

KẾ HOẠCH

Thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Chương trình thực hiện Chương trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025;

Nhằm triển khai thực hiện hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 đã được HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành.

2. Làm cơ sở để các sở, ngành có liên quan phối hợp hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giám sát các nội dung, tiêu chí nông thôn mới được phân công phụ trách của các xã đăng ký thực hiện nông thôn mới năm 2024. Các địa phương làm căn cứ xây dựng Kế hoạch, bố trí nguồn lực, tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành theo đúng tiến độ đề ra.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới (02 xã): xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân; xã An Quang, huyện An Lão.

2. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (12 xã): xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân; xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn; xã Nhơn Hạnh, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn; xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ; xã Cát Nhơn, xã Cát Tài, huyện Phù Cát; xã Phước Hiệp, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước; xã Hoài Châu, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn; xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn.

3. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (03 xã): xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn; xã Cát Minh, huyện Phù Cát; xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí nông thôn mới

a. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới: gồm 02 xã:

(i) Xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân: Đạt 16/19 tiêu chí; còn 03 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.

(ii) Xã An Quang, huyện An Lão: Đạt 08/19 tiêu chí; còn 11 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 5 - Trường học; Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 12 - Lao động; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 15 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.

(Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo).

b. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: gồm 12 xã:

(i) Xã Nhơn Châu: Đạt 09/19 tiêu chí; còn 10 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 5- Giáo dục; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống; Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh.

(ii) Xã Nhơn Hạnh: Đạt 11/19 tiêu chí; còn 08 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống.

(iii) Xã Nhơn Mỹ: Đạt 12/19 tiêu chí; còn 07 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 3-Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 5 - Giáo dục; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống.

(iv) Xã Mỹ Trinh: Đạt 08/19 tiêu chí; còn 11 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí số 5 - Giáo dục; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 14 - Y tế; Tiêu chí số 15 - Hành chính công; Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống.

(v) Xã Cát Nhơn: Đạt 11/19 tiêu chí; còn 08 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 2-Giao thông; Tiêu chí số 5 - Giáo dục; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 12 - Lao

động; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 14 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường.

(vi) Xã Cát Tài: Đạt 12/19 tiêu chí; còn 07 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 5 - Giáo dục; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 12 - Lao động; Tiêu chí số 14 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống.

(vii) Xã Phước Hiệp: 12/19 tiêu chí; còn 07 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 12 - Lao động; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 14 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống.

(viii) Xã Phước Lộc: 12/19 tiêu chí; còn 07 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông; Tiêu chí số 14 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống.

(ix) Xã Hoài Châu: Đạt 08/19 tiêu chí; còn 11 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 15 - Hành chính công; Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống; Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh.

(x) Xã Hoài Mỹ: Đạt 08/19 tiêu chí; còn 11 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 6 - Văn hóa; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 15 - Hành chính công; Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống; tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh.

(xi) Xã Tây Xuân: Đạt 12/19 tiêu chí; còn 07 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 5 - Giáo dục; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 14 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường.

(xii) Xã Ân Thạnh: Đạt 13/19 tiêu chí; còn 06 tiêu chí chưa đạt, gồm: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 14 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường; Tiêu chí số 18 - Chất lượng Môi trường sống.

(Chi tiết Phụ lục 2 kèm theo)

c. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: gồm 03 xã:

(i) Xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn:

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.
- Thu nhập: 56,21 triệu đồng/người/năm vào năm 2022.
- Mô hình thôn thông minh: Do UBND xã lựa chọn.

- Đăng ký lĩnh vực nổi trội của xã: Văn hóa - Du lịch.
- (ii) Xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước
 - Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.
 - Thu nhập: 57,0 triệu đồng/người/năm vào năm 2022.
 - Mô hình thôn thông minh: Do UBND xã lựa chọn.
 - Đăng ký lĩnh vực nổi trội của xã: Cảnh quang môi trường.
- (iii) Xã Cát Minh, huyện Phù Cát
 - Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.
 - Thu nhập: 56,5 triệu đồng/người/năm vào năm 2022.
 - Mô hình thôn thông minh: Do UBND xã lựa chọn.
 - Đăng ký lĩnh vực nổi trội của xã: Văn hóa – Du lịch.

2. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư

Tổng vốn: 354.316 triệu đồng. *Trong đó:*

- Ngân sách Trung ương: 21.890 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 73.000 triệu đồng;
- Ngân sách huyện, xã: 248.574 triệu đồng;
- Huy động khác: 10.852 triệu đồng.

(Chi tiết Phụ lục 3 kèm theo).

a. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới:

Tổng vốn: 30.009 triệu đồng. *Trong đó:*

- Ngân sách Trung ương: 11.824 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 14.000 triệu đồng;
- Ngân sách huyện, xã: 3.814 triệu đồng;
- Huy động khác: 371 triệu đồng.

(Chi tiết Phụ lục 3.1 kèm theo).

b. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

Tổng vốn: 306.801 triệu đồng. *Trong đó:*

- Ngân sách Trung ương: 7.909 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 55.000 triệu đồng;
- Ngân sách huyện, xã: 233.411 triệu đồng;
- Huy động khác: 10.481 triệu đồng.

(Chi tiết Phụ lục 3.2 kèm theo).

c. Xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu:

Tổng vốn: 17.507 triệu đồng. *Trong đó:*

- Ngân sách Trung ương: 2.157 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 4.000 triệu đồng;
- Ngân sách huyện, xã: 11.350 triệu đồng.

(Chi tiết Phụ lục 3.3 kèm theo).

3. Thời gian thực hiện

a. Quý I/2024: Địa phương rà soát, đánh giá hiện trạng và xây dựng kế hoạch thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2024.

b. Quý II - III/2024: Tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá tiến độ thực hiện từng nội dung, tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

c. Quý IV/2024

- Cấp xã: Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Tháng 10/2024.

- Cấp huyện: Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp tỉnh đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Trước ngày 15/11/2024.

- Cấp tỉnh: (i) Tổ chức thẩm định kết quả xây dựng nông thôn mới tại các xã; (ii) Hoàn thiện hồ sơ thẩm định nông thôn mới các xã trình Hội đồng thẩm định nông thôn mới tỉnh xem xét, cho ý kiến đề nghị công nhận; (iii) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Có trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể về kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới của tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch của các địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương liên quan đề xuất bố trí vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã, huyện theo Kế hoạch thực hiện đạt chuẩn trong năm 2024 theo các quy định thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã, huyện theo Kế hoạch thực hiện đạt chuẩn trong năm 2024 theo đúng các quy định thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành.

- Thẩm định tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

3. Giao Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh để hỗ trợ các xã, huyện theo Kế hoạch thực hiện đạt chuẩn trong năm 2024 theo đúng các quy định thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

4. Giao các sở, ban, ngành được phân công phụ trách các nội dung thành phần của Chương trình và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới:

Căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/08/2022 của UBND tỉnh ban hành Chương trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện các tiêu chí theo lĩnh vực quản lý ngành đối với kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2024.

- Hướng dẫn các địa phương về hồ sơ, thủ tục đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí; có ý kiến thẩm định đối với kết quả thực hiện các tiêu chí thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

5. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chi tiết, cụ thể theo từng xã, từng nội dung tiêu chí, bố trí đủ nguồn lực triển khai thực hiện; xây dựng lộ trình, tiến độ thời gian thực hiện, phân công nhiệm vụ thực hiện cụ thể cho từng cấp, từng ngành, đảm bảo hoàn thành nông thôn mới cấp xã, cấp huyện trong năm 2024 theo đúng thời gian của tỉnh đề ra.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận: xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT (báo cáo);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UB MTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TV BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh;
- Các Hội đoàn thể tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh, CV;
- Lưu: VT, TT TH-CB, K19.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

SỐ TT	ĐƠN VỊ	Kết quả thực hiện các tiêu chí		Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 19 tiêu chí																		
		Đạt	Không đạt	1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở dân cư	10. Thu nhập	11. Nghèo đa chiều	12. Lao động	13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và an toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	19. Quốc phòng và An ninh
I	HUYỆN HOÀI ÂN																					
1	Xã Ân Hào Tây	16	3		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1
III	HUYỆN AN LÃO																					
1	Xã An Quang	8	11				1			1	1	1					1		1		1	1
Tổng cộng: 02 xã																						

* Ghi chú: "1" là "Đạt"

Phụ lục 2

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

SỐ TT	ĐƠN VỊ	Kết quả thực hiện các tiêu chí		Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025: 19 tiêu chí																		
		Đạt	Không đạt	1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	4. Điện	5. Giáo dục	6. Văn hóa	7.Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở dân cư	10. Thu nhập	11. Nghèo đa chiều	12. Lao động	13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	14. Y tế	15. Hành chính công	16. Tiếp cận pháp luật	17. Môi trường	18. Chất lượng môi trường sống	19. Quốc phòng và An ninh
I	TP. QUY NHƠN																					
1	Xã Nhơn Châu	9	10	1	1	1	1				1		1	1			1	1				
II	TX. AN NHƠN																					
1	Xã Nhơn Hạnh	11	8	1			1	1			1	1	1		1		1	1	1			1
2	Xã Nhơn Mỹ	12	7	1	1		1				1	1	1	1	1		1	1	1			1
III	HUYỆN PHÙ MỸ																					
1	Xã Mỹ Trinh	8	11		1	1	1				1	1	1	1								1
III	HUYỆN PHÙ CÁT																					
1	Xã Cát Nhơn	11	8	1		1	1		1		1	1	1					1	1		1	1
2	Xã Cát Tài	12	7	1		1	1		1		1	1	1	1		1		1	1			1
IV	HUYỆN TUY PHƯỚC																					
1	Xã Phước Hiệp	12	7	1		1	1	1		1	1	1	1	1				1	1			1
2	Xã Phước Lộc	12	7			1	1	1		1		1	1	1	1	1		1	1			1
V	TX. HOÀI NHƠN																					
1	Xã Hoài Châu	8	11	1			1	1			1	1		1	1		1					
2	Xã Hoài Mỹ	8	11			1	1	1			1	1	1		1		1					
III	HUYỆN TÂY SON																					
1	Xã Tây Xuân	12	7	1		1	1		1	1	1	1			1		1	1	1			1
III	HUYỆN HOÀI AN																					
1	Xã Ân Thạnh	13	6		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1			1	1			1
Tổng cộng: 12 xã																						

* Ghi chú: "1" là "Đạt"

Phụ lục 3

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO,
NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2024					Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				
			NS trung ương	NS tỉnh	NS huyện, xã	Huy động khác	
	TỔNG CỘNG	354.316	21.890	73.000	248.574	10.852	
1	02 xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới	30.009	11.824	14.000	3.814	371	Chi tiết theo Phụ lục 3.1
2	12 xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	306.801	7.909	55.000	233.411	10.481	Chi tiết theo Phụ lục 3.2
3	03 xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	17.507	2.157	4.000	11.350	-	Chi tiết theo Phụ lục 3.3

Phụ lục 3.1

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên tiêu chí	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Vốn NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện, xã	Huy động khác...
	TỔNG CỘNG	30.009	11.824	14.000	3.814	371
1	Xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân	13.371	3.596	7.000	2.679	96
1.1	Giao thông	4.421	2.096	1.200	1.029	96
1.2	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	1.500		1.200	300	
1.3	Trường học	-				
1.4	Cơ sở vật chất văn hóa	1.255	300	300	655	
1.5	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	300		300		
1.6	Y tế	-				
1.7	Môi trường và an toàn thực phẩm	5.895	1.200	4.000	695	
2	Xã An Quang, huyện An Lão	16.638	8.228,0	7.000	1.135	275
2.1	Giao thông	6.050	3.500,0	2.000	275	275
2.2	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.760	2.600,0	1.000	160	
2.3	Điện	1.828	1.828,0			
2.4	Trường học	1.250		1.000	250	
2.5	Y tế	300	300,0			
2.6	Cơ sở vật chất văn hóa	600		500	100	
2.7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	400		400		
2.8	Thông tin và truyền thông	350		300	50	
2.9	Y tế	1.200		1.000	200	
2.10	Môi trường và an toàn thực phẩm	900		800	100	

Phụ lục 3.2

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÁC

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên tiêu chí	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Vốn NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện, xã	Huy động khác...
	TỔNG CỘNG	306.801	7.909	55.000	233.411	10.481
1	Xã Nhơn Châu, TP. Quy Nhơn	20.740	719,0		20.021	-
1.1	Giao thông	14.194			14.194	
1.2	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	-				
1.3	Giáo dục	4.216	489,0		3.727	
1.4	Văn hóa	-				
1.5	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	230	230,0			
1.6	Thông tin và Truyền thông	-				
1.7	Y tế	-				
1.8	Môi trường	2.100			2.100	
1.9	Chất lượng môi trường sống	-				
2	Xã Nhơn Hạnh, TX An Nhơn	42.263	719,0	5.000	36.340	204
2.1	Quy hoạch	412			412	
2.2	Giao thông	29.081	719	5.000	23.158	204
2.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	907			907	
2.4	Giáo dục	-				
2.5	Văn hóa	3.413			3.413	
2.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.250			7.250	
2.7	Thông tin và Truyền thông	200			200	
2.8	Thu nhập bình quân đầu người	-				
2.9	Lao động	-				
2.10	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	-				
2.11	Y tế	200			200	
2.12	Môi trường	600			600	
2.13	Chất lượng môi trường sống	200			200	
2.14	Quốc phòng và an ninh	-				
3	Xã Nhơn Mỹ, TX An Nhơn	34.046	719,0	5.000	28.327	-
3.1	Quy hoạch	637			637	
3.2	Giao thông	7.719	719,0	1.000	6.000	
3.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	8.700		1.000	7.700	
3.4	Giáo dục	7.900		1.000	6.900	
3.5	Văn hóa	530			530	
3.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1.350			1.350	
3.7	Thông tin và Truyền thông	30			30	
3.8	Nghèo đa chiều	-				
3.9	Lao động	100			100	
3.10	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	80			80	
3.11	Y tế	2.400		1.000	1.400	
3.12	Môi trường	400			400	

TT	Tên tiêu chí	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Vốn NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện, xã	Huy động khác...
3.13	Chất lượng môi trường sống	2.400		1.000	1.400	
3.14	Quốc phòng và an ninh	1.800			1.800	
4	Xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ	11.439	719,0	5.000	5.720	-
4.1	Quy hoạch	600			600	
4.2	Giao thông	2.939	719	1.000	1.220	
4.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	-				
4.4	Giáo dục	-				
4.5	Văn hóa	2.800		1.000	1.800	
4.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	3.800		1.700	2.100	
4.7	Thông tin và Truyền thông	300		300		
4.8	Y tế	-				
4.9	Môi trường	-				
4.10	Chất lượng môi trường sống	1.000		1.000		
5	Xã Cát Nhon, huyện Phù Cát	11.439	719,0	5.000	5.720	-
5.1	Giao thông	3.819	719,0	1.600	1.500	
5.2	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	-				
5.3	Giáo dục	2.000		1.000	1.000	
5.4	Văn hóa	-				
5.5	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1.000		500	500	
5.6	Thông tin và Truyền thông	-				
5.7	Nghèo đa chiều	500			500	
5.8	Lao động	200		200		
5.9	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	420		200	220	
5.10	Y tế	1.500		500	1.000	
5.11	Môi trường	600			600	
5.12	Chất lượng môi trường sống	1.400		1.000	400	
6	Xã Cát Tài, huyện Phù Cát	11.439	719,0	5.000	5.720	-
6.1	Quy hoạch	930			930	
6.2	Giao thông	4.219	719,0	2.200	1.300	
6.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.870		1.000	2.870	
6.4	Giáo dục	-				
6.5	Văn hóa	840		300	540	
6.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	-				
6.7	Thông tin và Truyền thông	200		200		
6.8	Nghèo đa chiều	-				
6.9	Lao động	-				
6.10	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	-				
6.11	Y tế	-				
6.12	Môi trường	300		300		
6.13	Chất lượng môi trường sống	1.030		1.000	30	
6.14	Quốc phòng và an ninh	50			50	
7	Xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước	90.511	719,0	5.000	84.792	-
7.1	Quy hoạch	321			321	
7.2	Giao thông	39.383	719,0	2.000	36.664	
7.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	23.261			23.261	
7.4	Giáo dục	11.110		1.500	9.610	
7.5	Văn hóa	1.269			1.269	

TT	Tên tiêu chí	3 KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Vốn NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện, xã	Huy động khác...
7.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.799		1.000	6.799	
7.7	Thông tin và Truyền thông	66			66	
7.8	Nghèo đa chiều	-				
7.9	Lao động	-				
7.10	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	-				
7.11	Y tế	5.000			5.000	
7.12	Môi trường	1.102		100	1.002	
7.13	Chất lượng môi trường sống	1.200		400	800	
7.14	Quốc phòng và an ninh	-				
8	Xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	10.000	-	5.000	5.000	-
8.1	Quy hoạch	575		75	500	
8.2	Giao thông	4.200		2.200	2.000	
8.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	-				
8.4	Giáo dục	-				
8.5	Văn hóa	1.900		400	1.500	
8.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	-				
8.7	Thông tin và Truyền thông	200		200		
8.8	Nghèo đa chiều	-				
8.9	Lao động	-				
8.10	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	-				
8.11	Y tế	1.500		1.000	500	
8.12	Môi trường	825		525	300	
8.13	Chất lượng môi trường sống	800		600	200	
8.14	Quốc phòng và an ninh	-				
9	Xã Hoài Châu, TX. Hoài Nhơn	23.594	719,0	5.000	17.875	-
9.1	Quy hoạch	375			375	
9.2	Giao thông	5.489	489,0	1.000	4.000	
9.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	1.000			1.000	
9.4	Giáo dục	-				
9.5	Văn hóa	1.000			1.000	
9.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	4.000			4.000	
9.7	Thông tin và Truyền thông	500			500	
9.8	Thu nhập	500		500		
9.9	Nghèo đa chiều	500		500		
9.10	Lao động	-				
9.11	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	-				
9.12	Y tế	-				
9.13	Môi trường	5.230	230		5.000	
9.14	Chất lượng môi trường sống	3.500		1.500	2.000	
9.15	Quốc phòng và an ninh	1.500		1.500		
10	Xã Hoài Mỹ, TX. Hoài Nhơn	25.691	719,0	5.000	11.045	8.927
10.1	Quy hoạch	471			471	
10.2	Giao thông	21.400	379,0	3.700	9.224	8.097
10.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	1.730		300	850	580
10.4	Giáo dục	-				
10.5	Văn hóa	500	200	300		
10.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	650		100	350	200
10.7	Thông tin và Truyền thông	300		100	150	50

TT	Tên tiêu chí	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Vốn NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện, xã	Huy động khác...
10.8	Nghèo đa chiều	-				
10.9	Lao động	-				
10.10	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	-				
10.11	Y tế	342		342		
10.12	Môi trường	140	140			
10.13	Chất lượng môi trường sống	158		158		
10.14	Quốc phòng và an ninh	-				
11	Xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	10.719	719,0	5.000	3.650	1.350
11.1	Quy hoạch	250			250	
11.2	Giao thông	6.489	489,0	2.700	2.100	1.200
11.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	2.680	230	1.000	1.300	150
11.4	Giáo dục	-				
11.5	Văn hóa	100		100		
11.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	600		600		
11.7	Thông tin và Truyền thông	200		200		
11.8	Nghèo đa chiều	-				
11.9	Lao động	-				
11.10	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	-				
11.11	Y tế	100		100		
11.12	Môi trường	200		200		
11.13	Chất lượng môi trường sống	100		100		
11.14	Quốc phòng và an ninh	-				
12	Xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân	14.919	719,0	5.000	9.200	-
12.1	Quy hoạch	1.000			1.000	
12.2	Giao thông	3.200		200	3.000	
12.3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	2.700		2.000	700	
12.4	Giáo dục	-				
12.5	Văn hóa	200		200		
12.6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	-				
12.7	Thông tin và Truyền thông	1.000			1.000	
12.8	Nghèo đa chiều	-				
12.9	Lao động	-				
12.10	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế NT	-				
12.11	Y tế	2.800	600	1.200	1.000	
12.12	Môi trường	2.400		400	2.000	
12.13	Chất lượng môi trường sống	1.619	119	1.000	500	
12.14	Quốc phòng và an ninh	-				

Phụ lục 3.3

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN CỦA XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

KIỂU MẪU NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên tiêu chí	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Vốn NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện, xã	Huy động khác...
	TỔNG CỘNG	17.507	2.157	4.000	11.350	
I	Xã Nhơn Hải, TP Quy Nhơn	6.569	719,0		5.850	-
1	Mô hình thôn thông minh	2.100			2.100	
2	Lĩnh vực nổi trội trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu	4.469	719,0		3.750	
II	Xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	5.219	719,0	2.000	2.500	-
1	Mô hình thôn thông minh	3.000		1.500	1.500	
2	Lĩnh vực nổi trội trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu	2.219	719,0	500	1.000	
III	Xã Cát Minh, huyện Phù Cát	5.719	719,0	2.000	3.000	-
1	Mô hình thôn thông minh	2.000		1.000	1.000	
2	Lĩnh vực nổi trội trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu	3.719	719,0	1.000	2.000	